**TOÁN**

**BÀI 11: PHÉP TRỪ (QUA 10) TRONG PHẠM VI 20**

**TIẾT 4: LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức, kĩ năng***

- Biết tính nhẩm phép trừ qua 10 trong phạm vi 20.

- Thực hiện được các phép trừ dạng 16, 17, 18 trừ đi một số.

- Giải được các bài toán giải có lời giải liên quan đến phép trừ qua 10 trong phạm vi 20.

***2. Phát triển năng lực và phẩm chất***

- Phát triển năng lực giao tiếp, giải quyết vấn đề.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chăm chỉ.

- Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, tivi, máy soi.

- Slides, soi bài.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động(2 -3p)**  **\* Trò chơi “Ô số may mắn”**  - Ô số 1: 16 – 7, 17 – 8  A. 8 B. 9  C. 7 D. 6  + Nêu cách tính phép tính 16 -7  - Ô số 2: Hộp quà may mắn  + Ô số 3: 16 – 8, 17 - 9  A. 8 B. 7  C. 6 D. 5  - Ô số 4: 16 – 9, 18 – 9  A. 7 và 9 B. 7 và 8  C. 5 và 6 D. 6 và 9  *+ Vận dụng kiến thức nào để tìm được kết quả?*  - GV nhận xét.  - Chuyển ý: Đây chính là các phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20 mà các con đã được học từ các tiết trước. Và trò chơi vừa rồi cũng chính là nội dung bài tập 1 trong tiết luyện tập ngày hôm nay. Bây giờ chúng ta cùng chuyển sang bài tập 2.  **2. Thực hành, luyện tập (28 -30p)**  **\* Bài 2: (SGK)**  - Gọi HS đọc YC bài.  - Yêu cầu HS làm SGK  - GV soi, đối chiếu bài và nhận xét.  - GV hỏi:  *+ Các số vừa điền là thành phần gì?*  *+ Muốn tìm hiệu ta làm như thế nào?*  - GV: Các con vận dụng kiến thức đã học rất tốt. Bây giờ chúng ta cùng chuyển sang BT2.  **\* Bài 3: (Bảng)**  - Gọi HS đọc to YC bài.  - GV hỏi: bài yêu cầu gì?  - Yêu cầu HS làm nháp.  - HS trình bày.  - HS nhận xét.  *+ Làm thế nào để biết được cánh diều ghi phép trừ có kết quả lớn nhất và cánh diều ghi phép trừ có kết quả bé nhất.*  *+ Để thực hiện được các phép tính này phải dựa vào kiến thức nào?*  - Liên hệ: Thả diều là một trò chơi dân gian. Hàng năm, ở Huế thường tổ chức lễ hội này vào mùa hè và thu hút rất nhiều người tham gia.  - Qua bài tập này cô thấy các con đã nắm rất chắc cách làm các phép trừ(qua 10) trong phạm vi 20. Vậy các con hãy vận dụng kiến thức này để làm bài toán có lời văn qua bài tập 4.  **\* Bài 4: (Vở ô li)**  - Gọi HS đọc YC bài.  - YC HS suy nghĩ và làm bài vào vở  - GV soi bài, chữa:  - HS chia sẻ.  *+ Bài toán dạng gì ?*  - Nhận xét, tuyên dương.  **\* Bài 5: (SGK)**  - HS nêu yêu cầu.  - Yêu cầu HS làm SGK.  - Yêu cầu HS chia sẻ trước lớp.  - GV: Em vận dụng kiến thức nào để làm bài tập này?  ***- Chốt: Đây chính là kiến thức các con đã vận dụng để giải quyết các bài tập trong tiết học ngày hôm nay.***  **3. Củng cố, dặn dò (2-3p)**  - Tiết học ngày hôm nay củng cố cho các con kiến thức gì?  - Tiết học này em cảm thấy như thế này?  - Nhận xét giờ học. | - HS chơi trò chơi  *- Các phép trừ (qua 10) trong phạn vi 20*.  - 2 -3 HS đọc.  - HS làm bài vào SGK.  - HS nhận xét.  - Hiệu.  - Lấy SBT – ST.  - HS nêu.  - Thực hiện tính, so sánh và kết luận.  - Các phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.  - 2 -3 HS đọc.  - HS làm vở.  **Bài giải:**  Mai hái hơn Mi số bông hoa là:   1. – 9 = 7( bông hoa )   Đáp số: 7 bông hoa.  - Dạng toán về nhiều hơn kém nhau một số đơn vị.  - HS lắng nghe.  - HS làm SGK  - Dự kiến chua sẻ:  *+ Vì sao ở phép tính thứ nhất phần a bạn lại điền dấu =?*  *+ Bạn hãy giải thích tại sao ở phép tính thứ hai phần b bạn lại điền dấu lớn hơn?*  *+ Để điền được dấu đúng ở bài tập 5, em phải làm qua mấy bước là những bước nào?*  - Phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.  - HS nêu  - HS nêu cảm nhận.  - HS lắng nghe. |

**Điều chỉnh sau tiết dạy:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................